

Bản án số: **02/2025/DS-ST**

Ngày: 16-01-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hữu Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hoàng Phòng.
2. Ông Nguyễn Bá Tòng.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** ông Lê Ngọc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2024/TLST-DS ngày 17/7/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 02/01/2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

**2. Bị đơn:** ông Trương Xuân L, sinh năm 1975 và bà Võ Thị D, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (ông L có mặt, bà D vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2024, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Ngày 08/6/2023 (âm lịch) bà Võ Thị D đại diện cho vợ chồng bà D vay của bà (Mận) 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) hẹn đến ngày 08/6/2024 (âm lịch trả); bà D nói với bà là mượn tiền để đưa cho chồng bà D trả tiền mua dầu (dầu diesel) cho xe xúc vì chồng bà D (là ông Trương Xuân L) đang làm công trình nhưng thiếu vốn, chưa được trả tiền. Ngày 19/9/2023, vợ chồng ông Trương Xuân L, bà Võ Thị D cùng vay tiền của bà số tiền 260.000.000đ (Hai trăm sáu

mười triệu đồng), hẹn đến ngày 16/6/2023 (âm lịch) trả. Tổng cộng vợ chồng bà D, ông L vay của bà 293.000.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu đồng), với lãi suất 2%/tháng. Đến hạn trả nợ, bà M đã yêu cầu vợ chồng ông L, bà D trả nhưng bị đơn không chịu trả. Tính đến ngày bà khởi kiện, vợ chồng bà D, ông L chỉ mới trả tiền lãi cho bà tổng cộng là 25.600.000 đồng; trong đó ông L chuyển khoản trả cho bà 20.000.000 đồng (chuyển khoản 04 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng), bà D trả cho bà 5.600.000 đồng. Do đó, bà M yêu cầu vợ chồng ông L, bà D phải trả cho bà số tiền 293.000.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu đồng) và lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày khởi kiện.

*Tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Xuân L1 trình bày:* ông (Trương Xuân L) thừa nhận ông và vợ ông là bà Võ Thị D có ký vào giấy vay tiền của bà Nguyễn Thị M với số tiền 260.000.000 đồng, đã trả lãi tổng cộng 20.000.000 đồng (04 lần chuyển khoản, mỗi lần 5.000.000 đồng). Việc vay mượn tiền là giữa vợ ông là bà Võ Thị D với bà Nguyễn Thị M với số tiền 33.000.000 đồng thì ông không biết bà D vay tiền để làm gì, bà D không nói cho ông biết. Hiện nay, vợ ông đã bỏ nhà đi, ông cũng không liên lạc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Bị đơn bà Võ Thị D đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có lời trình bày.*

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng ông L, bà D cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 260.000.000 đồng; ông L không đồng ý chịu trách nhiệm trả khoản nợ 33.000.000 đồng thì bà M yêu cầu bà D chịu trách nhiệm riêng phải trả cho bà M số tiền 33.000.000 đồng; bà M yêu cầu tính lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đối với các khoản tiền này.

Bị đơn ông Trương Xuân L thừa nhận và đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 260.000.000 đồng cho bà M, và trả tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đối với khoản tiền này theo yêu cầu của bà M.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 27, khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Trương Xuân L, bà Võ Thị D cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 260.000.000 đồng; ghi nhận sự tự định đoạt của bà M, buộc bà D chịu trách nhiệm riêng phải trả cho bà M số tiền 33.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của bà M với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đối với các khoản tiền này. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự; Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay; bị đơn hiện đang cư trú tại khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Bị đơn bà Võ Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Võ Thị D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn cung cấp 02 bản chính Giấy vay tiền đề ngày 08/6/2023 (âm lịch – dương lịch là ngày 25/7/2023) và ngày 19/9/2023, tổng số tiền 293.000.000 đồng. Trong đó, Giấy vay tiền đề ngày 08/6/2023 (âm lịch) ở mục người vay chỉ có chữ ký và chữ viết tên Võ Thị D; Giấy vay tiền đề ngày 19/9/2023 ở mục người vay có chữ ký và chữ viết tên Võ Thị D, Trương Xuân L.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị D cố tình không đến Tòa án để giải quyết nên bà D phải chịu hậu quả pháp lý về việc không chấp hành pháp luật. Ông Trương Xuân L không thừa nhận số tiền vay 33.000.000 đồng do một mình bà Võ Thị D ký tên tại Giấy vay tiền đề ngày 08/6/2023 (âm lịch). Và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ buộc bà Võ Thị D trả số tiền 33.000.000 đồng, không yêu cầu ông L chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ số tiền 33.000.000 đồng – đây là sự tự nguyện, tự định đoạt của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xét nghĩa vụ liên đới của ông Trương Xuân L đối với Giấy vay tiền đề ngày 08/6/2023 (âm lịch).

[2.3] Tại phiên tòa, ông L thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 19/9/2023 do vợ chồng ông và bà D cùng viết và ký tên, thừa nhận và đồng ý cùng có trách nhiệm trả số tiền vay 260.000.000 đồng cho bà M.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ liên đới của vợ chồng và khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ riêng của vợ chồng “Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình”, lời đề nghị của Kiểm sát viên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông L, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 260.000.000 đồng; bà Võ Thị D phải có trách nhiệm riêng trả cho bà M số tiền 33.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện (ngày 17/7/2024) của nguyên đơn:

[3.1] Ông Trương Xuân L cho rằng bà M cho vay với lãi suất cao, bà M cho rằng các bên thoả thuận lãi suất 2%/tháng theo giấy vay tiền tương ứng 24%/năm là cao hơn mức lãi suất 20%/năm mà pháp luật dân sự cho phép, nên phần vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật dân sự sẽ được khấu trừ vào tiền gốc.

[3.1.1] Khoản tiền vay 33.000.000 đồng phải chịu tiền lãi tính từ ngày 25/7/2023 đến ngày 16/7/2024 là 6.401.000 đồng (theo mức lãi suất 20%/năm). Bà M tự thừa nhận bà D đã trả tiền lãi 5.600.000 đồng, là cũng không đủ tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm mà pháp luật dân sự cho phép.

[3.1.2] Khoản tiền vay 260.000.000 đồng phải chịu tiền lãi tính từ ngày 19/9/2023 đến ngày 16/7/2024 là 43.452.000 đồng (theo mức lãi suất 20%/năm). Như vậy, số tiền lãi 20.000.000 đồng mà ông L đã được bà M thừa nhận, là cũng không đủ tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm mà pháp luật dân sự cho phép.

[3.2] Tại phiên toà, bà M chỉ yêu cầu trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm – đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật nên chấp nhận. Do đó, ông L, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 260.000.000 đồng, nên phải chịu trách nhiệm liên đới trả tiền lãi chậm trả với số tiền 13.000.000 đồng tính từ ngày 17/7/2024 ( $260.000.000đ \times 10\% \times 06$  tháng).

[3.3] Bà Võ Thị D phải trả cho bà M số tiền 33.000.000 đồng, nên phải chịu tiền lãi chậm trả với số tiền 1.650.000 đồng tính từ ngày 17/7/2024 ( $33.000.000đ \times 10\% \times 06$  tháng).

[4] Như vậy, ông L, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 273.000.000 đồng; bà Võ Thị D phải có trách nhiệm riêng trả cho bà M số tiền 34.650.000 đồng

[5] Về án phí:

[5.1] Bị đơn ông L, bà D phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 13.650.000 đồng ( $273.000.000đ \times 5\%$ ); bà D phải chịu án phí riêng là 1.732.500 đồng ( $34.650.000đ \times 5\%$ ).

[5.2] Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 92, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, vì có căn cứ.

1. Buộc vợ chồng ông Trương Xuân L, bà Võ Thị D cùng có trách nhiệm liên đới phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 273.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng*); trong đó, số tiền gốc là 260.000.000 đồng, số tiền lãi chậm trả là 13.000.000 đồng.

2. Buộc bà Võ Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 34.650.000đ (*Ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); trong đó, số tiền gốc là 33.000.000 đồng, số tiền lãi chậm trả là 1.650.000 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền gốc thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền gốc chưa thi hành xong.*

### 3. Về án phí:

3.1. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 7.325.000đ (*Bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) cho bà Nguyễn Thị M theo Biên lai tạm ứng án phí số 0003321 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

3.2. Vợ chồng ông Trương Xuân L, bà Võ Thị D phải chịu 13.650.000đ (*Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

3.3. Bà Võ Thị D phải chịu án phí riêng là 1.732.500đ (*Một triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã, Tỉnh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Duyên**

**CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**